

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ**  
**SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN**  
(Tính đến 30/06/2024)

**Khoa:** Công nghệ thông tin

Số ngày CTXH cần hoàn thành: 10

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1	DH52000012	Bùi Thị Vân	Anh	D20_TH01	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
2	DH52002703	Cung Phương	Anh	D20_TH01	7	5	-	-	-	-	1	1	-	3
3	DH52000029	Nguyễn Văn	Bảo	D20_TH01	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
4	DH52002179	Trần Gia	Bảo	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5	DH52000045	Lê Nguyễn Thành	Công	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
6	DH52002303	Lê Chí	Cường	D20_TH01	4	-	-	-	-	-	3	1	-	6
7	DH52000037	Đỗ Hoàng	Dũng	D20_TH01	11.5	10.5	-	-	-	-	1	-	-	0
8	DH51902172	Nguyễn Tiến	Dũng	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
9	DH52001690	Trần Thị Mỹ	Duyên	D20_TH01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
10	DH52000482	Ngô Thái	Dương	D20_TH01	10	-	-	-	-	-	10	-	-	0
11	DH52001986	Tống Thành	Đạt	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
12	DH51901190	Trần Quốc	Đạt	D20_TH01	1.5	-	0.5	-	0.5	-	0.5	-	-	8.5
13	DH52001712	Trần In	Đoanh	D20_TH01	8.5	7	-	-	-	-	1.5	-	-	1.5
14	DH52000880	Mai Nhật	Hào	D20_TH01	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
15	DH52001503	Vũ Văn	Hiền	D20_TH01	11	11	-	-	-	-	-	-	-	0
16	DH52002015	Lương Gia	Huy	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
17	DH52001933	Đỗ Quốc	Khánh	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
18	DH52001784	Nguyễn Thiệu	Khiêm	D20_TH01	6	-	0.5	-	-	-	5.5	-	-	4
19	DH52002144	Đặng Vinh	Kiên	D20_TH01	8.5	8.5	-	-	-	-	-	-	-	1.5
20	DH51900489	Lê Hoàng	Long	D20_TH01	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
21	DH52001645	Trần Tấn	Lộc	D20_TH01	11	10	-	-	-	-	1	-	-	0
22	DH52001856	Phan Văn	Mãnh	D20_TH01	19.5	-	0.5	-	-	-	17	2	-	0
23	DH52001367	Lâm Chí	Minh	D20_TH01	2	-	-	-	-	-	1	1	-	8
24	DH52002302	Cao Hoàng	Nam	D20_TH01	4	-	-	-	-	-	3	1	-	6

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
25	DH52001037	Lê Trung	Nam	D20_TH01	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
26	DH51900063	Võ Văn	Nghĩa	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
27	DH52001504	Đỗ Minh	Nhật	D20_TH01	10	10	-	-	-	-	-	-	-	0
28	DH52000828	Nguyễn Văn	Quang	D20_TH01	39.5	2	-	-	-	-	36.5	1	-	0
29	DH52003145	Huỳnh Trần Anh	Quốc	D20_TH01	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
30	DH52001349	Lê Hoàng	Quốc	D20_TH01	12.5	-	-	-	-	-	12.5	-	-	0
31	DH51904332	Nhan Lâm	Quy	D20_TH01	3.5	3	-	-	-	-	0.5	-	-	6.5
32	DH52000937	Châu Tấn	Tài	D20_TH01	15	-	-	-	-	-	15	-	-	0
33	DH52002680	Ngô Duy	Tấn	D20_TH01	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
34	DH52000817	Nguyễn Anh	Thiện	D20_TH01	12.5	-	-	-	-	-	12.5	-	-	0
35	DH52001927	Trần Ngọc	Thoại	D20_TH01	2	-	0.5	-	-	-	1.5	-	-	8
36	DH52001900	Nguyễn Minh	Triều	D20_TH01	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
37	DH52000131	Lê Quốc	Trung	D20_TH01	11.5	-	0.5	-	-	-	11	-	-	0
38	DH52001904	Nguyễn Hữu	Trường	D20_TH01	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
39	DH52001991	Nguyễn Anh	Tú	D20_TH01	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
40	DH52002799	Ngô Huy	Tuấn	D20_TH01	14.5	-	-	-	-	-	14.5	-	-	0
41	DH52000774	Lê Quang	Vinh	D20_TH01	10.5	-	-	-	-	-	10.5	-	-	0
42	DH52002896	Nguyễn Hoàng	Vũ	D20_TH01	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
43	DH52001133	Trương Công	Vui	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
44	DH52002785	Nguyễn Thị Hồng	Yên	D20_TH01	7.5	-	-	-	-	-	5.5	2	-	2.5
45	DH52001628	Ngô Đoàn Thúy	Hiền	D20_TH02	10	-	-	-	-	-	10	-	-	0
46	DH52003191	Vũ Khải	Hoàn	D20_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
47	DH52001988	Trần Minh	Huân	D20_TH02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
48	DH52002286	Mai Đức	Huy	D20_TH02	11	-	-	-	3	-	7	1	-	0
49	DH52001341	Nguyễn Quốc	Huy	D20_TH02	9	-	-	-	0.5	-	8.5	-	-	1
50	DH52000689	Sử Duy	Khánh	D20_TH02	11.5	-	-	-	0.5	-	10	1	-	0
51	DH52003670	Trần Xuân	Khuong	D20_TH02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
52	DH52001423	Nguyễn Trung	Kiên	D20_TH02	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
53	DH52002316	Nguyễn Kiều	Linh	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
54	DH52001688	Phạm Nhật	Linh	D20_TH02	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5





STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
115	DH52006069	Đặng Thanh	Sang	D20_TH03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
116	DH52001793	Trần Văn	Sĩ	D20_TH03	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
117	DH52003324	Lê Đức	Tài	D20_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
118	DH52003469	Trương Minh	Tài	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
119	DH52001455	Trần Thanh	Tấn	D20_TH03	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
120	DH52001226	Nguyễn Ngô Thanh	Thảo	D20_TH03	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
121	DH52002581	Võ Quốc	Thắng	D20_TH03	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
122	DH52003194	Ngô Hoài	Thịnh	D20_TH03	24.5	24	-	-	-	-	0.5	-	-	0
123	DH52000660	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D20_TH03	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
124	DH52003431	Nguyễn Thanh	Thoại	D20_TH03	20	-	-	-	-	-	20	-	-	0
125	DH52000293	Hồ Văn	Tiến	D20_TH03	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
126	DH52002582	Phạm Nguyễn Thành	Trong	D20_TH03	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
127	DH52000682	Lê	Tuấn	D20_TH03	3	-	-	-	-	-	1	2	-	7
128	DH52003563	Phan Văn	Việt	D20_TH03	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
129	DH52004093	Hoàng Ngô Gia	Bảo	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
130	DH52003253	Lê Tuấn	Cường	D20_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
131	DH52001476	Vương Đức	Cường	D20_TH04	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
132	DH52002606	Nguyễn Khuất Anh	Duy	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
133	DH52001595	Lê Nhật	Hào	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
134	DH52003485	Nguyễn Anh	Hòa	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
135	DH52001833	Nguyễn Phúc	Hoàng	D20_TH04	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
136	DH52002712	Bùi Vương	Huy	D20_TH04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
137	DH52002723	Phạm Ngọc	Khoa	D20_TH04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
138	DH52001408	Nguyễn Quang	Luật	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
139	DH52001564	Nguyễn Huỳnh Phúc	Nghi	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
140	DH52003583	Bùi Thành	Nhân	D20_TH04	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
141	DH52003399	Nguyễn Trí	Nhân	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
142	DH52001672	Đỗ Minh	Nhật	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
143	DH52003409	Trần Minh	Nhật	D20_TH04	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
144	DH52004162	Nguyễn Thái	Phú	D20_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5





STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
205	DH52001512	Phạm Minh	Phú	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
206	DH52004127	Vũ Ngọc	Quảng	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
207	DH52004336	Mai Hoàng	Quý	D20_TH06	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
208	DH52001514	Phạm Minh	Quý	D20_TH06	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
209	DH52004334	Lê Văn	Thái	D20_TH06	18	10	-	-	-	-	8	-	-	0
210	DH52004272	Lưu Thị Thanh	Thảo	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
211	DH52004121	Phạm Trung	Thắng	D20_TH06	4	-	-	-	-	-	3	1	-	6
212	DH52004980	Hoàng Nguyễn Minh	Thiện	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
213	DH52004387	Trịnh Minh	Thuận	D20_TH06	15	-	0.5	-	-	-	14.5	-	-	0
214	DH52004043	Nguyễn Bảo	Toàn	D20_TH06	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
215	DH52004106	Châu Gia	Trọng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
216	DH52005027	Nguyễn Hữu	Trọng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
217	DH52004042	Trần Trương Thái	Tuấn	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
218	DH52004325	Huỳnh Nhật	Viên	D20_TH06	13.5	-	-	-	-	6	7.5	-	-	0
219	DH52004141	Nguyễn Hữu	Vinh	D20_TH06	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
220	DH52004136	Lê Thái Anh	Vũ	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
221	DH52004312	Nguyễn Trần Lâm	Vũ	D20_TH06	3.5	-	-	-	-	-	2.5	1	-	6.5
222	DH52004495	Nguyễn Quốc	Bảo	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
223	DH52004683	Phan Thành	Đạt	D20_TH07	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
224	DH52004750	Lê Tấn	Được	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
225	DH52004819	Lý Thế	Hào	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
226	DH52004368	Nguyễn Nhật	Hào	D20_TH07	24.5	24	-	-	-	-	0.5	-	-	0
227	DH52004492	Đặng Thanh	Hiền	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
228	DH52004569	Nguyễn Tăng Tuấn	Hùng	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
229	DH52004140	Huỳnh Tấn	Kha	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
230	DH52004915	Dương Quang	Khải	D20_TH07	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
231	DH52005891	Phạm Nguyễn Hoàng	Khang	D20_TH07	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
232	DH52004596	Võ Lê	Khang	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
233	DH52004741	Lê Duy	Khánh	D20_TH07	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
234	DH52005912	Huỳnh Tấn Thiên	Khôi	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
235	DH52005922	Trương Thành	Lập	D20_TH07	52.5	42	-	-	-	-	10.5	-	-	0
236	DH52005932	Đỗ Hoàng	Long	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
237	DH52005933	Kim Hoàng	Long	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
238	DH52005948	Đỗ Văn	Minh	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
239	DH52004183	Võ Hoàng	Nam	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
240	DH52005975	Lê Vinh	Nghĩa	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
241	DH52004395	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	D20_TH07	29	27	-	-	-	-	2	-	-	0
242	DH52004460	Trần Nguyễn Thảo	Nguyên	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
243	DH52004608	Khâu Nguyễn Thành	Nhân	D20_TH07	25	24	-	-	-	-	1	-	-	0
244	DH52005992	Liều Minh	Nhân	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
245	DH52004489	Nguyễn Hồng	Thiên	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
246	DH52004658	Lê Minh	Thông	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
247	DH52004523	Trần Trung	Tiến	D20_TH07	11	-	-	-	-	-	11	-	-	0
248	DH52004547	Trần Công	Toại	D20_TH07	9	-	-	-	-	-	9	-	-	1
249	DH52004456	Phạm Văn	Trường	D20_TH07	10.5	-	-	-	-	-	10.5	-	-	0
250	DH52004086	Hoàng Cẩm	Tú	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
251	DH52004760	Vũ Nguyễn Anh	Tuấn	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
252	DH52004709	Ngô Quốc	Việt	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
253	DH52004458	Phó Tấn	Vinh	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
254	DH52005662	Phạm Ngọc Nhân	ái	D20_TH08	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
255	DH52005726	Nguyễn Đình	Duy	D20_TH08	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
256	DH52005729	Phan Khánh	Duy	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
257	DH52004810	Diệp Phước	Đạt	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
258	DH52005749	Huỳnh Hữu	Đạt	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
259	DH52005783	Đặng Anh	Hào	D20_TH08	9.5	-	0.5	-	-	-	9	-	-	0.5
260	DH52004918	Phạm Việt	Hậu	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
261	DH52007203	Phạm Trung	Hiệp	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
262	DH52005818	Phan Thanh	Hoài	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
263	DH52005847	Nguyễn Hồng Gia	Huy	D20_TH08	11	-	-	-	-	-	11	-	-	0
264	DH52005851	Nguyễn Tấn	Huy	D20_TH08	8.5	0.5	-	-	-	-	7	1	-	1.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
265	DH52005025	Thân Minh	Khang	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
266	DH52005903	Mọc Đăng	Khoa	D20_TH08	4	-	-	-	-	-	2	2	-	6
267	DH52005870	Vũ Trung	Kiên	D20_TH08	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
268	DH52005044	Đào Tuấn	Kiệt	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
269	DH52005872	Lợi Siêu	Kiệt	D20_TH08	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
270	DH52005875	Trần Phú	Kiệt	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
271	DH52005879	Lưu Ngọc	Kỹ	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
272	DH52004932	Nguyễn Phước	Lộc	D20_TH08	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
273	DH52004044	Vũ Nhật	Minh	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
274	DH52006010	Biện Hồng	Phát	D20_TH08	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
275	DH52006015	Trần Trọng	Phát	D20_TH08	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
276	DH52006020	Võ Hoàng	Phi	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
277	DH52005031	Chu Bình	Phong	D20_TH08	2.5	-	-	-	-	-	1.5	1	-	7.5
278	DH52006034	Trần Bá	Phúc	D20_TH08	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
279	DH52006036	Nguyễn Hữu	Phụng	D20_TH08	16	-	-	-	-	-	15	1	-	0
280	DH52006041	Đào Đức	Quang	D20_TH08	17.5	-	-	-	-	-	17.5	-	-	0
281	DH52006042	Lê	Quang	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
282	DH52004838	Võ Hồng	Quang	D20_TH08	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
283	DH52006049	Nguyễn Hoàng	Quân	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
284	DH52006061	Trương Hoàng	Quốc	D20_TH08	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
285	DH52006075	Nguyễn Văn	Sinh	D20_TH08	12	-	-	-	-	-	11	1	-	0
286	DH52006087	Lê Đức Anh	Tài	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
287	DH52006090	Nguyễn Thành	Tài	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
288	DH52006102	Phan Thanh	Tân	D20_TH08	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
289	DH52005059	Lê Trường	Thanh	D20_TH08	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
290	DH52007366	Nguyễn Ngọc Cát	Tiên	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
291	DH52000110	Võ Văn	Tiến	D20_TH08	6	-	-	-	-	-	5	1	-	4
292	DH52006230	Võ Thành	Trung	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
293	DH52005051	Đặng Trung	Trực	D20_TH08	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
294	DH52006131	Hà Xuân	Tú	D20_TH08	25.5	24	-	-	-	-	1.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
295	DH52005166	Nguyễn Tuấn	Anh	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
296	DH52005677	Võ Chu Quốc	Anh	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
297	DH52005684	Lê Khánh	Bảo	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
298	DH52005690	Trần Nguyễn Gia	Bảo	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
299	DH52005704	Huỳnh Ngọc Kim	Chi	D20_TH09	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
300	DH52005705	Lư Thừa	Chí	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
301	DH52005696	Dương Tăng	Cường	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
302	DH52005698	Lê Đình	Cường	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
303	DH52005068	Nguyễn Thanh	Danh	D20_TH09	29.5	-	-	-	-	-	29.5	-	-	0
304	DH52005714	Nguyễn Anh	Dũng	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
305	DH52005731	Trần Lê Minh	Duy	D20_TH09	8	-	0.5	-	-	-	7.5	-	-	2
306	DH52005734	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D20_TH09	2	-	-	-	-	-	1	1	-	8
307	DH52005737	Đoàn Nguyễn Nam	Dương	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
308	DH52005738	Hồ Khánh	Dương	D20_TH09	10	-	-	-	-	-	10	-	-	0
309	DH52005745	Cao Tiến	Đạt	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
310	DH52005049	Đặng Ngọc	Giàu	D20_TH09	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
311	DH52005778	Trần Đức	Hải	D20_TH09	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
312	DH52005800	Phạm Thị Diệu	Hiền	D20_TH09	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
313	DH52005804	Mai Chí	Hiệp	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
314	DH52004983	Nguyễn Minh	Hiếu	D20_TH09	12.5	-	0.5	-	-	-	12	-	-	0
315	DH52005810	Nguyễn Phi	Hiếu	D20_TH09	10.5	-	-	-	-	-	10.5	-	-	0
316	DH52005825	Mai Việt	Hoàng	D20_TH09	16	12	-	-	-	-	4	-	-	0
317	DH52005827	Nguyễn Văn	Hoàng	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
318	DH52006575	Lâm Tuấn	Khoa	D20_TH09	10	-	-	-	-	-	10	-	-	0
319	DH52005904	Nguyễn Đăng	Khoa	D20_TH09	13.5	-	-	-	-	-	13.5	-	-	0
320	DH52005923	Phạm Võ Hiếu	Lễ	D20_TH09	10	-	-	-	-	-	10	-	-	0
321	DH52005055	Nguyễn Phú Minh	Minh	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
322	DH52005955	Võ Việt	Mỹ	D20_TH09	36.5	28.5	-	-	-	-	8	-	-	0
323	DH52005030	Lê Thanh	Nam	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
324	DH52005383	Đặng Thị Kim	Ngân	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9



STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
355	DH52005963	Nguyễn Thanh	Nam	D20_TH10	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
356	DH52007186	Trần Như	Nguyễn	D20_TH10	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
357	DH52006000	Nguyễn Minh	Nhật	D20_TH10	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
358	DH52006025	Trần Gia	Phong	D20_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
359	DH52007253	Đình Trọng	Phúc	D20_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
360	DH52006032	Nguyễn Minh	Phúc	D20_TH10	5	-	-	-	1.5	-	3.5	-	-	5
361	DH52006637	Đình Nhật	Quang	D20_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
362	DH52006048	Nguyễn Đức	Quân	D20_TH10	6	-	-	-	2	-	4	-	-	4
363	DH52006081	Phạm Hữu Trường	Son	D20_TH10	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
364	DH52006082	Trương Phan Ngọc	Son	D20_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
365	DH52006088	Nguyễn Lê Minh	Tài	D20_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
366	DH52006101	Nguyễn Đức	Tân	D20_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
367	DH52006168	Hồ Việt	Thắng	D20_TH10	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
368	DH52006177	Nguyễn Khắc	Thế	D20_TH10	6	-	-	-	1.5	-	3.5	1	-	4
369	DH52006188	Lê Nguyễn Trường	Thịnh	D20_TH10	6	-	-	-	1	-	5	-	-	4
370	DH52006193	Trần Đàm	Thoại	D20_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
371	DH52006631	Lê Minh	Thuận	D20_TH10	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
372	DH52006207	Huỳnh Hồng	Thuyên	D20_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
373	DH52007310	Lê Đình Bảo	Trân	D20_TH10	6	-	-	-	-	-	5	1	-	4
374	DH52006231	Bùi Quang	Trường	D20_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
375	DH52006233	Võ Nhật	Trường	D20_TH10	30	28.5	-	-	-	-	1.5	-	-	0
376	DH52006139	Huỳnh Quốc	Tuân	D20_TH10	8	-	-	-	2	-	6	-	-	2
377	DH52006150	Nguyễn Thanh	Tùng	D20_TH10	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
378	DH52006245	Nguyễn Đình	Việt	D20_TH10	4.5	-	-	-	2	-	1.5	1	-	5.5
379	DH52006257	Phạm Anh	Vũ	D20_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
380	DH52006878	Trương Khánh	Duy	D20_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
381	DH52007049	Nguyễn Hòa Ninh	Đan	D20_TH11	12	0.5	-	-	-	-	11.5	-	-	0
382	DH52005756	Nguyễn Hải	Đặng	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
383	DH52005770	Trịnh Anh	Đức	D20_TH11	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
384	DH52006863	Vũ Minh	Đức	D20_TH11	13.5	6	1	-	-	-	6.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
385	DH52006892	Hoàng Khắc	Giáp	D20_TH11	5.5	2	-	-	-	-	3.5	-	-	4.5
386	DH52006862	Lê Huỳnh Hoàn	Hào	D20_TH11	5	2	-	-	2	-	1	-	-	5
387	DH52007035	Trần Hạo	Hân	D20_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
388	DH52006576	Nguyễn Trọng	Hiền	D20_TH11	9	2	-	-	1	-	6	-	-	1
389	DH52006924	Trần Minh	Hiếu	D20_TH11	25.5	24	-	-	-	-	1.5	-	-	0
390	DH52007068	Lý Quốc	Huy	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
391	DH52006632	Nguyễn Gia	Huy	D20_TH11	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
392	DH52007011	Thạch Ngọc Gia	Huy	D20_TH11	18.5	16.5	-	-	-	-	2	-	-	0
393	DH52007056	Trần A	Huy	D20_TH11	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
394	DH52007089	Huỳnh Minh	Khoa	D20_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
395	DH52006902	Nguyễn Minh	Khuê	D20_TH11	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
396	DH52007074	Phan Hiếu	Lâm	D20_TH11	13	2	-	-	2	-	9	-	-	0
397	DH52007055	Đặng Ngọc	Long	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
398	DH52007299	Bùi Trần Đông	Nam	D20_TH11	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
399	DH52007047	Nguyễn Phước	Nguyên	D20_TH11	7	2	-	-	2	-	3	-	-	3
400	DH52006904	Đặng Xuân	Sang	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
401	DH52007102	Trần Nguyễn Thanh Sang		D20_TH11	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
402	DH52007024	Đỗ Trần Hải	Son	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
403	DH52006605	Phan Phúc	Tân	D20_TH11	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
404	DH52007061	Nguyễn Minh	Tấn	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
405	DH52006825	Vũ Thị Phương	Thanh	D20_TH11	13	2	-	-	-	-	11	-	-	0
406	DH52007161	Phạm Duy	Thắng	D20_TH11	2.5	2	-	-	-	-	0.5	-	-	7.5
407	DH52007101	Trần Văn Quốc	Thắng	D20_TH11	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
408	DH52007002	Nguyễn Phước	Thịnh	D20_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
409	DH52007012	Nguyễn Võ	Tiến	D20_TH11	15	-	-	-	-	-	15	-	-	0
410	DH52006741	Lại Văn	Toàn	D20_TH11	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
411	DH52006618	Trần Minh	Trung	D20_TH11	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
412	DH52006707	Lê Thanh	Tuấn	D20_TH11	10.5	-	-	-	-	-	10.5	-	-	0
413	DH52006712	Nguyễn Viết	Tuấn	D20_TH11	8.5	-	-	-	-	-	8.5	-	-	1.5
414	DH52007424	Ôn Tăng Gia	Vĩ	D20_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện	
					1	2	3	4	5	6	7	8		
415	DH52006610	Huỳnh Nhật Vương	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
416	DH52006931	Nguyễn Bùi Nhựt ý	D20_TH11	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	-	8.5

Tổng số SV: **416**

Đã hoàn thành: **78**

Chưa hoàn thành: **338**

**\*Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện vì cộng đồng
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường; Tuyên truyền phổ biến pháp luật
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Các hoạt động cứu trợ thiên tai, dịch bệnh, ...
- 5: Lớp học tình thương; Các hoạt động công ích phục vụ xã hội
- 6: Tham gia các hoạt động phục vụ, hỗ trợ Nhà trường, ...
- 7: Hiến máu tình nguyện
- 8: Công tác cán bộ Đoàn - Hội các cấp, Ban cán sự Lớp, ...

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2024*

**Người lập bảng**

**Phụ trách Phòng CTSV**

**HIỆU TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**(Đã ký)**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Diễm Ngân**

**ThS. Lê Thị Phương Hằng**

**PGS, TS. Cao Hào Thi**